

TÒA ÁN NHÂN DÂN

QUẬN H. M

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-03-2023

Về việc tranh chấp ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H. M - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Chiều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Bích Vân

2. Ông Nguyễn Sơn Hóa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân quận H. M, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H. M, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2023, Ti trụ sở Tòa án nhân dân quận H. M, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2023/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXX - ST ngày 09 tháng 03 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/03/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Ninh Thị B. M**, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số 4, ngõ 269, đường G. T, phường G. T, quận H. M, Thành phố Hà Nội. Căn cước công dân số 001192000281 cấp ngày 24/07/2021 Ti Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội. *Có mặt.*

Bị đơn: **Anh T. D**, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Số 4, ngõ 269, đường G. T, phường G. T, quận H. M, Thành phố Hà Nội. Căn cước công dân số

036088010105 cấp ngày 24/06/2021 Tỉ Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Ninh Thị B. M trình bày:

1. Về tình cảm vợ chồng: Chị Ninh Thị B. M kết hôn với anh T. D là tự nguyện, có đăng ký kết hôn Tỉ Ủy ban nhân dân phường G. T, quận H. M, Thành phố Hà Nội vào ngày 12/7/2019. Quá trình chung sống, vợ chồng chị hòa thuận đến tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống; chị ghi ngờ anh D ngoại tình, không chung thủy. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và không có tiếng nói chung. Hai bên đã tự hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị và anh D đã sống ly thân nhiều tháng; khả năng vợ chồng về đoàn tụ là không thể.

Nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D càng sớm càng tốt để ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là T N Minh Tâm (nam), sinh ngày 30/11/2019 và T N Minh Châu (nữ), sinh ngày 18/9/2021. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 7.500.000đ/tháng, hai con chung là 15.000.000đ/tháng. Thu nhập của chị hiện nay là 18.000.000đ/tháng, chị khẳng định đủ khả năng nuôi hai con và có chỗ ở ổn định. Hiện nay, hai con đang sinh sống cùng chị Ngọc, con lớn T N Minh Tâm đang học ở trường tư thực phường Tân Mai, quận H. M và con T N Minh Châu đang học Tỉ trường Vườn Xanh ở phường Thịnh Liệt, quận H. M, Hà Nội. Con chung T N Minh Tâm bị bệnh tự kỷ rối loạn phát triển (có bệnh án kèm theo) từ lúc mới 20 tháng tuổi.

3. Về tài sản chung, nhà đất ở chung và khoản nợ: Chị N khẳng định chị và anh D không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tỉ bản tự khai, văn bản ghi lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh T. D trình bày:

1. Về tình cảm vợ chồng: Anh thừa nhận về thời gian địa điểm với chị Ninh Thị B. M là đúng. Khi kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính cách, bất đồng quan điểm sống. Chị N nghi ngờ tôi ngoại tình là không có. Thời gian chị N sinh con thứ nhất tôi ở nhà chăm sóc con. Khi chị N sinh con thứ hai thì tôi phải đi làm và không có thời gian ở bên cạnh chăm hai mẹ con. Đến nay, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không ai quan tâm đến ai. Hai bên đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 2/2023 đến nay. Khả năng vợ chồng về đoàn tụ là không thể. Vì vậy, anh đồng ý ly hôn với chị Ngọc.

2. Về con chung: Anh và chị Ninh Thị B. M có 02 con chung là T N Minh Tâm (nam), sinh ngày 30/11/2019 và T N Minh Châu (nữ), sinh ngày 18/9/2021. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi hai con chung. Thu nhập của anh hiện nay là 35.000.000đ/tháng, anh cho rằng đủ khả năng nuôi hai con. Khi anh chị ly thân, hai con sống cùng chị Ngọc, con lớn T N Minh Tâm đang học ở trường tư thực phườn Tân Mai, quận H. M và con T N Minh Châu đang học Ti trường Vườn Xanh ở phườn Thịnh Liệt, quận H. M, Hà Nội. Con chung T N Minh Tâm hiện bị bệnh tự kỷ rối loạn phát triển từ khi 20 tháng tuổi (có bệnh án kèm theo).

3. Về tài sản chung, nhà đất ở chung và khoản nợ: Anh D cũng khẳng định anh và chị N không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ti phiên tòa:

[1] Nguyên đơn chị Ninh Thị B. M: Tiếp tục khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh D. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng mỗi con chung là 7.500.000 đồng/tháng (hai con chung là 15.000.000đ/tháng). Về tài sản chung, nhà đất ở chung và khoản nợ chung: Chị khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Bị đơn anh T. D trình bày: Anh D cũng đồng ý ly hôn với chị N nhưng anh cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu

chị N cấp dưỡng. Về tài sản chung, nhà đất ở chung và khoản nợ chung: Anh tiếp tục khẳng định anh và chị N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Người làm chứng trình bày:

- Bà Vũ Thị Kim Yên là mẹ của chị N khẳng định mâu thuẫn của anh chị là có thật và rất trầm trọng. Nay, anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà có ý kiến là Tòa án cho anh chị ly hôn. Khi ly hôn, bà và gia đình đồng ý và To mọi điều kiện để cho chị N và các con sinh sống cùng.

- Bà Phạm Thị Kim Dung là mẹ của anh D cũng khẳng định anh chị có mâu thuẫn và đang sống ly thân. Bà không muốn các con phải ly hôn, nhưng anh chị vẫn đòi ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H. M, Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận H. M thụ lý Đơn ly hôn của chị Ninh Thị B. M đối với anh T. D là đúng thẩm quyền, theo quy định Ti điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự tố tụng quy định Ti các Điều 195, 196 và 197 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ti phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên đề nghị về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, yêu cầu của các đương sự, phân tích cơ sở pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ninh Thị B. M, xử cho chị N được ly hôn anh D; về con chung: Giao 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với hiện Ti và các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án; buộc anh D phải cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng (hai con chung là 6.000.000đ/tháng); về tài sản chung, nhà đất ở chung và khoản

nợ chung: anh chị cùng khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không xét. Về án phí: buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét Ti phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ninh Thị B. M có Đơn ly hôn đối với anh T. D, nơi cư trú Tỉ số 4 ngõ 269 đường G. T, phường G. T, quận H. M, Thành phố Hà Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H. M, Thành phố Hà Nội theo quy định Tỉ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tỉ phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt Tỉ phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định Tỉ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là đúng.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ninh Thị B. M và anh T. D, khi kết hôn có tình hiểu và tự nguyện. Ngày 12/07/2019, anh chị đăng ký kết hôn Tỉ UBND phường G. T, quận H. M, Thành phố Hà Nội, nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính cách, bất đồng quan điểm sống; vợ chồng không tin tưởng, xúc phạm nhau và thiếu sự quan tâm đến nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Chị N từ khi gửi đơn ra tòa lúc nào cũng cương quyết yêu cầu ly hôn anh D. Chị N thấy không còn tình cảm với anh D; cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Tỉ phiên tòa, cả hai đều thừa nhận có mâu thuẫn trầm trọng cùng đồng ý ly hôn và cùng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu được ly hôn đối với anh D, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần xử chấp nhận cho chị N ly hôn anh D.

Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con chung là T N Minh Tâm (nam), sinh ngày 30/11/2019 và T N Minh Châu (nữ), sinh ngày 18/9/2021. Ti phiên tòa, anh chị không thỏa thuận được việc nuôi con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: cả hai con chung đều còn rất nhỏ, cháu Tâm thậm chí còn bị bệnh tự kỷ cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nhiều hơn; cháu Châu còn dưới 36 tháng tuổi. Mặt khác, từ khi anh chị ly thân hai con chung vẫn ở với chị N và được chăm sóc chu đáo, phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần. Thêm nữa, ba mẹ con chị N ở chung với bố mẹ chị Ngọc, được ông bà To điều kiện về chỗ ở, hỗ trợ việc trong nom, đưa đón đi học. Vì vậy, cần giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nhất, đảm bảo sự phát triển tốt cả về tinh thần và thể chất cho các con. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: xét anh D có thu nhập khá cao (35.000.000đ/tháng), việc chị N yêu cầu cấp dưỡng 7.500.000đ/tháng cho mỗi con chung là khá cao đối với anh D, trong khi anh D còn phải cấp dưỡng 5.000.000đ cho con riêng với người vợ đầu. Nên, Hội đồng xét xử cân nhắc có thể buộc anh D cấp dưỡng nuôi con chung với mức 5.000.000đ/tháng/con.

Về tài sản chung, nhà đất chung và nợ chung: Anh chị cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc chị N và anh D phải nộp án phí theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định Ti Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ninh Thị B. M. Chị Ninh Thị B. M được ly hôn anh T. D.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là T N Minh Tâm (nam), sinh ngày 30/11/2019 và T N Minh Châu (nữ), sinh ngày 18/9/2021 cho chị Ninh Thị B. M trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh T. D mỗi tháng cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 5.000.000đ/tháng (*năm triệu đồng mỗi tháng*). Cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 10.000.000đ/tháng (*mười triệu đồng mỗi tháng*) kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T. D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nhà đất ở chung và khoản nợ chung: Chị Ninh Thị B. M và anh T. D cùng xác nhận không có, Tòa không xét.

4. Về án phí: Chị Ninh Thị B. M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2020/0003195 ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H. M, Thành phố Hà Nội. Chị Ninh Thị B. M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T. D phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ninh Thị B. M và anh T. D được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H. M;
- Chi cục THA dân sự quận H. M;
- UBND phường G. T, Q.H. M, Hà Nội (để ghi vào sổ hộ tịch số 45/2019 ngày 12/07/2019)
- Dương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Chiêu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Chiều

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN HOÀNG MAI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10h45' ngày 06/11/2019, Ti Phòng Nghị án, trụ sở Tòa án nhân dân quận H. M, Thành phố Hà Nội;

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Chiêu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Trinh

2. Bà Nguyễn Thị Lan

Tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 750/2019/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 về "*tranh chấp ly hôn*", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Ninh Thị B. M, sinh năm 1979**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 48, ngõ 165 đường G. T, phường G.

T, quận H. M, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: số 22, ngõ 44, phố An Hòa, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội;

- Bị đơn: **Anh T. D, sinh năm 1974**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 48, ngõ 165 đường G. T, phường G. T, quận H. M, Thành phố Hà Nội;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét Ti phiên tòa, kết quả tranh tụng Ti phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Lan trình bày ý kiến như sau: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và tranh tụng Ti phiên tòa, tôi thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H. M, Thành phố Hà Nội.

- Bà Phạm Thị Trinh nhất trí với quan điểm của Bà Nguyễn Thị Lan

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, ông Lê Quang Chiều nhất trí với ý kiến của hai Hội thẩm nhân dân.

Hội đồng xét xử biểu quyết: nhất trí 100% (3/3)

[2] Về tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị Lan trình bày ý kiến như sau: Tòa án căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án hôm nay là đúng.

- Bà Phạm Thị Trinh nhất trí với đề xuất của bà Nguyễn Thị Lan

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của hai Hội thẩm nhân dân.

Hội đồng xét xử biểu quyết: nhất trí 100% (3/3)

[3] Về Điều luật áp dụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, ông Lê Quang Chiều nêu điều luật cần áp dụng để giải quyết toàn bộ vụ án như sau: Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hội đồng xét xử biểu quyết: nhất trí 100% (3/3)

[4] Quyết định: Bà Nguyễn Thị Lan trình bày phần quyết định như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ninh Thị B. M. Chị Ninh Thị B. M được ly hôn anh T. D.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Vũ Việt Hưng (nam), sinh ngày 27/4/2014 cho chị Ninh Thị B. M trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Vũ N Minh Huy (nam), sinh ngày 19/4/2011 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh T. D và chị Ninh Thị B. M có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nhà đất ở chung và khoản nợ chung: Chị Ninh Thị B. M và anh T. D cùng xác nhận không có, Tòa không xét.

4. Về án phí: Chị Ninh Thị B. M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0004518 ngày 06 tháng 08 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H. M, Thành phố Hà Nội. Chị Ninh Thị B. M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ninh Thị B. M và anh T. D được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./

Hội đồng xét xử sau khi nghe bà Nguyễn Thị Lan trình bày phần quyết định, bà Phạm Thị Trinh và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa ông Lê Quang Chiêu đồng ý với bà Nguyễn Thị Lan và biểu quyết. Kết quả biểu quyết nhất trí 100% (3/3).

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 20 phút, ngày 06 tháng 11 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử

cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Chiều